

Sơn La, ngày tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước
Quý III và 9 tháng đầu năm 2025**

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM LƯU TRỮ LỊCH SỬ

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật NSNN ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Ngân sách Nhà nước; Nghị định số 149/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung sửa đổi của Luật Ngân sách nhà nước tại điều 4, Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được NSNN hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 17/8/2025 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Sơn La; Quyết định 1615/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về quản lý, điều hành ngân sách địa phương năm 2025; Quyết định số 2668/QĐ-UBND ngày 10/12/2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025; Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 05/5/2025 của UBND tỉnh Sơn La về việc điều chỉnh, giao dự toán thu, chi ngân sách cấp tỉnh năm 2025 của các cơ quan đơn vị khi sắp xếp, tổ chức bộ máy; Quyết định số 2131/QĐ-UBND ngày 26/8/2025 của UBND tỉnh về việc thu hồi và bổ sung kinh phí cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1221/QĐ-SNV ngày 15/5/2025 của Giám đốc Sở Nội vụ về việc phân bổ dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 cho các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước trực thuộc Sở Nội vụ; Quyết định số 3566/QĐ-SNV ngày 28/8/2025 của Sở Nội vụ tỉnh Sơn La về việc Giao bổ sung dự toán kinh phí sửa chữa, thay thế thiết bị PCCC cho Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh;

Theo đề nghị của viên chức chuyên môn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán ngân sách Quý III và 9 tháng đầu năm 2025 của Trung tâm Lưu trữ lịch sử *(có biểu chi tiết kèm theo)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Viên chức Trung tâm, kế toán cơ quan; các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Nội vụ;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, V (03b).

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Khổng Thị Hữu

Phụ lục
ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH
QUÝ III NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTLTLS ngày /10/2025 của TTLTLS)

Đvt: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán cả năm	Ước thực hiện quý III	So sánh%	
				Dự toán quý III	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí	15.00	5.93	158.19	53.93
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	13.50	7.55	142.37	75.58
2.1	Chi sự nghiệp	13.50	7.55	142.37	75.58
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	13.50	7.55	142.37	75.58
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
c	Kinh phí chi cải cách tiền lương				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	1.50	0.59	156.05	53.42
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
1	Chi quản lý hành chính	3,466	524.41	96.22	129.16
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1,679	401.97	95.71	163
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1,686	122.44	97.17	109
1.3	Kinh phí chi cải cách tiền lương	101			
2	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo				

Phụ lục
ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH
9 THÁNG ĐẦU NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTLTLS ngày /10/2025 của TTLTLS)

Đvt: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán cả năm	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2025	So sánh%	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí	15.00	11.92	105.98	88.12
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	13.50	7.55	74.57	61.99
2.1	Chi sự nghiệp	13.50	7.55	74.57	61.99
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	13.50	7.55	74.57	61.99
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
c	Kinh phí chi cải cách tiền lương				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	1.50	1.19	105.51	88.32
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
1	Chi quản lý hành chính	3,466	1,426.56	138.15	138.15
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1,679	1,148.71	91.20	150
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1,686	277.85	92.62	103
1.3	Kinh phí chi cải cách tiền lương	101			
2	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo				